

Số: 01 /TB-HĐXTHVC

Cà Mau, ngày 22 tháng 11 năm 2024

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa Cà Mau năm 2024**

Căn cứ Kế hoạch số 1299/KH-BV ngày 20/11/2024 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau năm 2024;

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau thông báo như sau:

#### **I. Số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng**

Số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: **65 chỉ tiêu** (Theo Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa Cà Mau năm 2024), trong đó:

- Đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 12 người/12 chỉ tiêu.
- + Từ điều dưỡng hạng IV lên điều dưỡng hạng III: 09 người/09 chỉ tiêu.
- + Từ kỹ thuật y hạng IV lên kỹ thuật y hạng III: 01 người/01 chỉ tiêu.
- + Từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên: 01 người/01 chỉ tiêu.
- + Từ nhân viên lên cán sự: 01 người/01 chỉ tiêu.
- Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý: 66 người đăng ký dự xét/53 chỉ tiêu.
- + Từ y sĩ hạng IV lên bác sĩ hạng III: 03 người/03 chỉ tiêu.
- + Từ dược hạng IV lên dược sĩ hạng III: 01 người/01 chỉ tiêu.
- + Từ điều dưỡng hạng IV lên điều dưỡng hạng III: 48 người đăng ký dự xét/35 chỉ tiêu.
- + Từ kỹ thuật y hạng IV lên kỹ thuật y hạng III: 08 người/08 chỉ tiêu.
- + Từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên: 04 người/04 chỉ tiêu.
- + Từ kỹ thuật viên hạng IV lên kỹ sư hạng III: 02 người/02 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Mẫu 05 và Mẫu số 06 kèm theo thông báo xét thăng hạng).

## **2. Nội dung, hình thức xét thăng hạng và đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo Kế hoạch số 1299/KH-BV ngày 20/11/2024 của Bệnh viện đa khoa Cà Mau (được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện [bvdkcamau.vn](http://bvdkcamau.vn)).

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

## **3. Về tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng**

- **Thời gian:** Từ ngày 25/11/2024 đến hết ngày 12/12/2024 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6).

- **Địa điểm:** Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện đa khoa Cà Mau (Địa chỉ: Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau).

- Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập **chậm nhất là 30 ngày** trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức (theo mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức);

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

+ Bản nhận xét, xếp loại chất lượng của cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức **hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên** trong năm **2023** (đánh giá, xếp loại theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023);

+ Các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (**Bản sao có chứng thực**).

+ Giấy **chứng chỉ hành nghề** khám bệnh, chữa bệnh hoặc Giấy **chứng chỉ bồi dưỡng** theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (**Bản sao có chứng thực**);

+ Quyết định **tuyển dụng**, Quyết định **bổ nhiệm** vào ngạch hoặc chức

danh nghề nghiệp sau tuyển dụng (**Bản sao**);

+ Quyết định **bổ nhiệm** hoặc **chuyên xếp** ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp (**Nếu có**) (**Bản sao**);

+ Các Quyết định lương hoặc tương đương trong thời gian giữ ngạch theo quy định (Quyết định nâng lương; nâng ngạch) (**Bản sao**);

+ Sổ bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm nộp hồ sơ (**Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao xác nhận của BHXH**);

+ Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng các cấp (Huân chương, Thầy Thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Bằng khen cấp Bộ, Ngành, tỉnh,...Chiến sĩ thi đua cơ sở) (**Nếu có**) (**Bản sao**);

\* **Lưu ý:** Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và huỷ kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, (*Hồ sơ không trúng tuyển xin miễn trả lại*).

Mọi thông tin xin liên hệ Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Bệnh viện Đa khoa Cà Mau số điện thoại (0290) 3831015 để được hướng dẫn.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2024 của Bệnh viện đa khoa Cà Mau thông báo đến các viên chức đăng ký dự xét thăng hạng được biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế: (báo cáo);
- Ban Giám đốc (biết);
- Các Khoa/phòng;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCCB.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
Trần Hoán Toàn**

Số: *1299*/KH-BV

Cà Mau, ngày 20 tháng 11 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa Cà Mau năm 2024

#### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Viên chức năm 2010 ngày 15/11/2010; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức;

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/6/2021 về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Khoa học và Công nghệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ nội vụ

quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 06 năm 2022 của Bộ nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2021/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nội ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài Chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kế toán viên lên Kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa Cà Mau năm 2024;

Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2023-2025 (lần 2);

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG**

### **1. Mục đích**

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức; bố trí viên chức đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhiệm vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị.

- Lựa chọn được những viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của CDNN theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Động viên, khuyến khích viên chức trong đơn vị học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

### **2. Yêu cầu**

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được tổ chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng CDNN phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn chức danh dự xét theo quy định và được cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cử dự xét.

### **3. Nguyên tắc xét thăng hạng**

- Việc xét thăng hạng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

### **III. SỐ LƯỢNG VÀ CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG**

Số lượng chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: **65 chỉ tiêu** (Theo Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa Cà Mau năm 2024), trong đó:

- Đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 12 người/12 chỉ tiêu.

+ Từ điều dưỡng hạng IV lên điều dưỡng hạng III: 09 người/09 chỉ tiêu.

+ Từ kỹ thuật y hạng IV lên kỹ thuật y hạng III: 01 người/01 chỉ tiêu.

+ Từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên: 01 người/01 chỉ tiêu.

+ Từ nhân viên lên cán sự: 01 người/01 chỉ tiêu.

- Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý: 66 người đăng ký dự xét/53 chỉ tiêu.

+ Từ y sĩ hạng IV lên bác sĩ hạng III: 03 người/03 chỉ tiêu.

+ Từ dược hạng IV lên dược sĩ hạng III: 01 người/01 chỉ tiêu.

+ Từ điều dưỡng hạng IV lên điều dưỡng hạng III: 48 người đăng ký dự xét/35 chỉ tiêu.

+ Từ kỹ thuật y hạng IV lên kỹ thuật y hạng III: 08 người/08 chỉ tiêu.

+ Từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên: 04 người/04 chỉ tiêu.

+ Từ kỹ thuật viên hạng IV lên kỹ sư hạng III: 02 người/02 chỉ tiêu.

## **IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT**

### **1. Đối tượng**

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế hạng IV, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ và ngạch công chức chuyên ngành hành chính đang công tác tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để xét thăng hạng lên các chức danh sau đây:

- Bác sĩ hạng III, mã số: V.08.01.03
- Dược sĩ hạng III, mã số V.08.08.22
- Điều dưỡng hạng III, mã số: V.08.05.12
- Kỹ thuật y hạng III, mã số: V.08.07.18
- Kế toán viên hạng III, mã số: V.06.031
- Kỹ sư hạng III, mã số: V.05.02.07
- Cán sự, mã số: 01.004

### **2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng**

**a) Tiêu chuẩn chung** (Theo khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ)

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

- Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội

bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ. Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

**Ghi chú:** Việc xác định kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu của từng vị trí việc làm trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện thông qua các văn bằng, chứng chỉ như sau:

+ Trình độ tin học: Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

+ Về trình độ ngoại ngữ: Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ A, B, C (Đối với các khóa đào tạo, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên đang triển khai thực hiện theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 trước ngày 15/01/2020) hoặc có một trong các văn bằng sau thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ: Bằng tốt nghiệp về ngoại ngữ do cơ sở nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

#### **b) Tiêu chuẩn cụ thể**

##### **\* Chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III):**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III) quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV và khoản 5,6, Điều 1 Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế, như sau:

- Tốt nghiệp bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành Y học dự phòng); bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh bác sĩ).

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

##### **\* Chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III):**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với

chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III) quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV và khoản 5,6, Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế, như sau:

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Dược học.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược).
- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp dược hạng IV lên chức danh nghề nghiệp dược hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dược hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dược hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

**\* Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (hạng III)**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng (hạng III) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV và khoản 3,4, Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế, như sau:

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Điều dưỡng.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh điều dưỡng).
- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng IV lên chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh điều dưỡng hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

**\* Chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y (hạng III)**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y (hạng III) quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV và khoản 13,14, Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-

BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kỹ thuật y học; đại học ngành Kỹ thuật phục hình răng.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh kỹ thuật y).

- Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng IV lên chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật y hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

**\* Chức danh nghề nghiệp kế toán viên (hạng III)**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên (hạng III) theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài Chính.

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

**\* Chức danh nghề nghiệp Kỹ sư (hạng III)**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức

danh nghề nghiệp Kỹ sư hạng III quy định tại Điều 10 của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Khoa học và Công nghệ, tại Khoản 13,14 Điều 1 của Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Khoa học và Công nghệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ, như sau:

- Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Viên chức thăng hạng từ kỹ thuật viên (hạng IV) lên kỹ sư (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu đủ 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

#### **\* Ngạch cán sự**

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch cán sự quy định tại Điều 8 của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 06 năm 2021.

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

- Viên chức dự thi hoặc xét nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự phải có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch nhân viên thì thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

### **3. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng đối với viên chức**

- Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020.

- Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một phong bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ). Bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Bác sĩ (hạng III), Dược sĩ (hạng III), Điều dưỡng (hạng III), Kỹ thuật y (hạng III), Kế toán viên (hạng III), Kỹ sư (hạng III) hoặc ngạch Cán sự, họ tên của người đăng ký dự xét thăng

hạng, liệt kê đầy đủ danh mục các giấy tờ có trong hồ sơ và số điện thoại cần liên hệ.

**- Hồ sơ (1 bộ) được sắp xếp theo thứ tự sau đây:**

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập **chậm nhất là 30 ngày** trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức (theo mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức);

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện (Theo Khoản 6, Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP) đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (Mẫu số 02, được ban hành kèm theo Kế hoạch này);

+ Bản nhận xét, xếp loại chất lượng của cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức **hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên** trong năm **2023** (đánh giá, xếp loại theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023); có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định tại Điều 56 Luật viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức;

+ Các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (**Bản sao có chứng thực**). Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Giấy **chứng chỉ hành nghề** khám bệnh, chữa bệnh hoặc Giấy **chứng chỉ bồi dưỡng** theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (**Bản sao có chứng thực**);

+ Quyết định **tuyển dụng**, Quyết định **bổ nhiệm** vào ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp sau tuyển dụng (**Bản sao**);

+ Quyết định **bổ nhiệm** hoặc **chuyển xếp** ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp (Nếu có) (**Bản sao**);

+ Các Quyết định lương hoặc tương đương trong thời gian giữ ngạch theo quy định (Quyết định nâng lương; nâng ngạch) (**Bản sao**);

+ Sổ bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm nộp hồ sơ (**Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao xác nhận của BHXH**);

+ Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng các cấp (Huân chương, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Bằng khen cấp Bộ, Ngành, tỉnh,...Chiến sĩ thi đua cơ sở) (Nếu có) (**Bản sao**);

\* Lưu ý: Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Viên chức sử dụng văn bản, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và huỷ kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

## **V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT THĂNG HẠNG**

**1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức** (Theo khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023):

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 đối với viên chức dự xét thăng hạng. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ (*Mẫu số 01, được ban hành kèm theo Kế hoạch này*).

- Giám đốc Bệnh viện xem xét quyết định công nhận kết quả và bổ nhiệm viên chức vào chức danh nghề nghiệp hoặc vào ngạch theo quy định và theo phân cấp quản lý hiện hành.

**2. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:** Từ ngày 25/11/2024 đến hết ngày 12/12/2024.

**3. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:** Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện đa khoa Cà Mau (Địa chỉ: Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau).

**4. Một số lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ dự xét thăng hạng:**

- Hồ sơ dự xét thăng hạng phải do trực tiếp người có nhu cầu nộp, khi nộp có ký nhận, không nhận qua trung gian.

- Không tiếp nhận hồ sơ bị tẩy xóa, ghi không đầy đủ theo quy định.

**5. Thời gian và địa điểm xét thăng hạng:**

- Thời gian: Dự kiến từ ngày 16/12/2024 đến ngày 18/12/2024.

- Địa điểm: Bệnh viện đa khoa Cà Mau.

## **VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC**

**1. Thành lập hội đồng xét thăng hạng viên chức**

- Thành lập hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ

quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập. Hội đồng có 05 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

c) Các ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quyết định, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

d) Nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng: Hội đồng xét thăng hạng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

đ) Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những 11 người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng.

## **2. Thông báo xét thăng hạng và tiếp nhận hồ sơ**

- Hội đồng xét thăng hạng thông báo công khai tại trụ sở làm việc của Bệnh viện đa khoa Cà Mau về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng viên chức.

**3. Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng viên chức do Chủ tịch Hội đồng thành lập, gồm:** Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Thẩm định hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 34 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Người được cử tham gia Ban Thẩm định hồ sơ là viên chức Bệnh viện hoặc của cơ quan, đơn vị khác do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực phù hợp với chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị em ruột của viên chức dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của viên chức dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của viên chức dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Ban Thẩm định hồ sơ.

## **4. Thành lập Tổ thư ký giúp việc xét thăng hạng viên chức do Chủ tịch**

**Hội đồng thành lập**, gồm: Tổ trưởng và các thành viên, Ủy viên kiêm thư ký hội đồng làm tổ trưởng. Tổ thư ký giúp việc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch hội đồng. Người được cử tham gia Tổ Thư ký giúp việc là viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Từng thành viên Tổ Thư ký chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng, Tổ trưởng Tổ thư ký về nhiệm vụ được phân công.

**5. Thành lập Ban giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức do người đứng đầu đơn vị thành lập, gồm:** Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị em ruột của người dự thăng hạng viên chức hoặc của bên vợ (chồng) của người dự thăng hạng viên chức; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự thăng hạng viên chức hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Ban giám sát.

**6. Chuẩn bị tổ chức xét thăng hạng:**

- Chủ tịch Hội đồng phổ biến nội dung, hình thức xét thăng hạng; phân công nhiệm vụ từng thành viên tham gia Hội đồng.

- Thư ký Hội đồng tổng hợp danh sách và hồ sơ ứng viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng đề trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Trước ngày tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết công khai danh sách ứng viên dự xét, địa điểm, thời gian xét thăng hạng, phải hoàn thành các công tác chuẩn bị cho việc xét thăng hạng, gồm:

+ Danh sách ứng viên và các hồ sơ của ứng viên kèm theo; mẫu biên bản giao, nhận hồ sơ; phiếu thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; biên bản kiểm phiếu; biên bản họp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; bản tổng hợp kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và biên bản bàn giao.

+ Chuẩn bị thẻ cho các thành viên Hội đồng, Ban thẩm định hồ sơ, bộ phận phục vụ kỳ xét thăng hạng. Thẻ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng, in đầy đủ họ tên và chức danh. Thẻ của các thành viên khác chỉ in chức danh.

**7. Tổ chức thẩm định, chấm điểm hồ sơ:** Theo quy định tại Khoản 2, Điều 35, Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi

hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Thành viên Ban thẩm định hồ sơ được phân công cùng tiến hành thẩm định, chấm điểm chung đối với từng hồ sơ và ghi điểm (điểm thành phần và tổng điểm) vào phiếu chấm điểm của mỗi hồ sơ đó, trong đó có điểm cộng thêm (nếu có) và cùng ký, ghi rõ họ tên vào phiếu chấm điểm. Việc thẩm định, chấm điểm hồ sơ thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quy định về nội dung, hình thức xét thăng hạng.

- Cách chấm điểm: Chấm điểm hồ sơ dựa trên tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, tính theo thang điểm 100 và kết quả đạt từ 50 điểm trở lên.

- Khi thẩm định hồ sơ, chấm điểm hồ sơ, nếu các thành viên không thống nhất thì chuyển kết quả lên Trưởng ban Thẩm định để xem xét, quyết định.

- Kết quả thẩm định hồ sơ của từng ứng viên phải được tổng hợp vào bảng tổng hợp kết quả chung có chữ ký của các thành viên tham gia thẩm định hồ sơ và Trưởng ban Thẩm định hồ sơ.

- Trưởng ban Thẩm định hồ sơ tổng hợp, niêm phong và bàn giao cho Thư ký Hội đồng.

#### **8. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- + Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

- + Viên chức là nữ;

- + Viên chức là người dân tộc thiểu số;

- + Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

- + Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

#### **9. Tổng hợp, quyết định kết quả xét thăng hạng:**

- Thư ký Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm tổng hợp kết quả xét thăng hạng của các ứng viên để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.

- Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng tổ chức họp để xem xét kết quả xét thăng hạng của các ứng viên; các thành viên của Hội đồng trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ về kết quả xét thăng hạng của các ứng viên.

- Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng báo cáo Giám đốc xem xét, quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng.

#### **10. Thông báo kết quả xét thăng hạng**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Giám đốc phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên iOffice hoặc Cổng Thông tin điện tử của Bệnh viện.

#### **11. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức khi trúng tuyển trong kỳ thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

- Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm của Giám đốc Bệnh viện:**

- Ban hành Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng; Ban Giám sát;

- Ban hành Thông báo chỉ tiêu thăng hạng và danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Ban hành Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng viên chức;
- Ban hành Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Ban hành Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển theo quy định;
- Chịu trách nhiệm chung cho các hoạt động xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

## **2. Trách nhiệm của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:**

- Tổ chức xét thăng hạng theo Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ);
- Ban hành Thông báo kế hoạch, thời gian, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, thời hạn; địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng viên chức.
- Ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét thăng hạng theo quy định của pháp luật và triển khai thực hiện việc xét thăng hạng theo đúng kế hoạch đề ra sau khi được Giám đốc phê duyệt;
- Các thành viên Hội đồng xét thăng hạng thực hiện nhiệm vụ đã được phân công theo đúng quy định hiện hành.

## **3. Phòng Tổ chức cán bộ:**

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Tham mưu tổ chức kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định, quy chế.
- Thực hiện việc công khai Kế hoạch xét thăng hạng đến toàn thể viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng; niêm yết công khai Kế hoạch tại trụ sở làm việc và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.
- Tham mưu ban hành Quyết định Hội đồng; Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị năm 2024.
- Tham mưu Giám đốc quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

**4. Trách nhiệm của phòng Tài chính kế toán:** Chịu trách nhiệm tham mưu bố trí kinh phí (nếu có) để phục vụ cho công tác xét thăng hạng chức danh

nghề nghiệp viên chức của đơn vị năm 2024.

#### **5. Trách nhiệm của các Khoa, Phòng:**

- Chịu trách nhiệm thông báo công khai Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được biết và đăng ký dự xét thăng hạng.

- Tạo điều kiện để viên chức hoàn thiện hồ sơ dự xét theo yêu cầu.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo hướng dẫn của Hội đồng xét thăng hạng.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức triệu tập các viên chức có đủ tiêu chuẩn tham gia vào các Ban của Hội đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác trong thời gian tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại đơn vị theo sự phân công của Giám đốc đơn vị.

#### **6. Trách nhiệm của viên chức dự xét thăng hạng:**

- Thực hiện kê khai và nộp hồ sơ dự xét thăng hạng đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Giám đốc Bệnh viện về tính chính xác, trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa Cà Mau năm 2024. / *mm*

#### **Nơi nhận:**

- Sở Y tế (Đề b/c);
- Ban Giám đốc;
- Lãnh đạo các khoa, phòng;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**



**Tô Minh Nghị**

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN  
DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ NGẠCH NHÂN VIÊN LÊN CÁN SỰ NĂM 2024

| TT                       | Họ và tên      | Ngày, tháng, năm sinh |    | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                    | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|--------------------------|----------------|-----------------------|----|---------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                          |                | Nam                   | Nữ |                                 |                                                 |                                                               | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 1                        | 2              | 3                     | 4  | 5                               | 6                                               | 7                                                             | 9                    | 10               | 11                                                       |                            | 12                           |                  |                    |                     | 13               | 14                 | 15      |
| 1. Phòng Công tác xã hội |                |                       |    |                                 |                                                 |                                                               |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| * Cán sự                 |                |                       |    |                                 |                                                 |                                                               |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Huỳnh Quốc Huy | 20/9/1981             |    | Phó trưởng phòng                | Phòng Công tác xã hội, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 11 năm 3 tháng                                                | 3,46                 | 01.005           | Cử nhân Luật kinh tế                                     | TC                         | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | B                | C                  |                     | X                | X                  |         |

Tổng cộng: 01 người./.

Người lập bảng

*[Signature]*

Nhan Minh Luân

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
Trần Hoán Toàn

BỆNH VIỆN ĐK CÀ MAU  
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ, SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ỨNG VỚI  
CDNN DỰ XÉT CÒN THIẾU THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG  
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM 2024**

| TT | Chức danh<br>nghề nghiệp viên chức | Thực trạng số lượng, cơ cấu<br>CDNN hạng III |                                     |                                                                | Nhu cầu bố trí việc<br>làm CDNN hạng<br>III |                         | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng CDNN hạng III |                                                      |                     |                                        |                                                      |                                      | Ghi chú |
|----|------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
|    |                                    | Tổng số                                      | Số lượng<br>viên<br>chức<br>quản lý | Số lượng<br>viên<br>chức<br>không<br>giữ chức<br>vụ quản<br>lý | Vị trí<br>lãnh đạo                          | Vị trí<br>chuyên<br>môn | Viên chức giữ chức vụ quản<br>lý              |                                                      |                     | Viên chức không giữ chức vụ<br>quản lý |                                                      |                                      |         |
|    |                                    |                                              |                                     |                                                                |                                             |                         | Số thiếu<br>theo vị<br>trí việc<br>làm        | Số người<br>đủ tiêu<br>chuẩn,<br>điều kiện<br>đư xét | Đề xuất<br>chỉ tiêu | Số thiếu<br>theo vị<br>trí việc<br>làm | Số người<br>đủ tiêu<br>chuẩn,<br>điều kiện<br>đư xét | Đề xuất<br>chỉ tiêu<br>cạnh<br>tranh |         |
| 1  | Phòng Công tác xã hội              |                                              |                                     |                                                                |                                             |                         |                                               |                                                      |                     |                                        |                                                      |                                      |         |
| 1  | Cán sự                             |                                              |                                     |                                                                | 1                                           |                         | 1                                             | 1                                                    | 1                   |                                        |                                                      |                                      |         |
|    | Tổng                               |                                              |                                     |                                                                | 1                                           |                         | 1                                             | 1                                                    | 1                   |                                        |                                                      |                                      |         |

Người lập bảng

  
Nhan Minh Luân

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH

  
PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
Trần Hoán Toàn

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN  
DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III năm 2024**

| TT                         | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                      | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    |                  | Có đề án công trình | Được miễn thi      |    | Ghi chú |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|------------------|---------------------|--------------------|----|---------|
|                            |                        | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                   |                                                                      | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học |                     | Trình độ ngoại ngữ |    |         |
| 1                          | 2                      | 3                     | 4          | 5                               | 6                                                 | 7                                                                    | 9                    | 10               | 11                                                       |                            | 12                           |                  |                    |                  | 13                  | 14                 | 15 |         |
| 1. Phòng Tổ chức cán bộ    |                        |                       |            |                                 |                                                   |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |    |         |
| * Kế toán viên             |                        |                       |            |                                 |                                                   |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |    |         |
| 1                          | Đinh Thùy Dương        |                       | 09/8/1997  | Viên chức                       | Phòng Tổ chức cán bộ, Bệnh viện đa khoa Cà Mau    | 3 năm 10 tháng                                                       | 2,41                 | 06.032           | Cử nhân kế toán                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | CB               | B                  |                  | X                   | X                  |    |         |
| 2. Phòng Tài chính kế toán |                        |                       |            |                                 |                                                   |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |    |         |
| * Kế toán viên             |                        |                       |            |                                 |                                                   |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |    |         |
| 1                          | Nguyễn Thị Phương Loan |                       | 08/9/1976  | Trưởng phòng                    | Phòng Tài chính Kế toán, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 17 năm 1 tháng                                                       | 3,96                 | 06.032           | Cử nhân kế toán                                          | TC                         | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | A                | C                  |                  | X                   | X                  |    |         |
| 2                          | Tăng Thanh Huyền       |                       | 24/01/1981 | Viên chức                       | Phòng Tài chính Kế toán, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,65                 | 06.032           | Cử nhân kế toán                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | A                | B                  |                  | X                   | X                  |    |         |
| 3                          | Phan Thị Thùy Trang    |                       | 10/6/1988  | Viên chức                       | Phòng Tài chính Kế toán, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 9 năm 9 tháng                                                        | 3,34                 | 06.032           | Cử nhân kế toán                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | B                | B                  |                  | X                   | X                  |    |         |
| 4                          | Trần Bé Âu             |                       | 21/11/1991 | Viên chức                       | Phòng Tài chính Kế toán, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 9 năm 9 tháng                                                        | 3,03                 | 06.032           | Cử nhân kế toán                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | A                | B                  |                  | X                   | X                  |    |         |
| 3. Phòng Kế hoạch tổng hợp |                        |                       |            |                                 |                                                   |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |    |         |
| * Điều dưỡng               |                        |                       |            |                                 |                                                   |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |    |         |

| TT                            | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                           | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    |                  | Có đề án công trình | Được miễn thi      |  | Ghi chú |
|-------------------------------|--------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|------------------|---------------------|--------------------|--|---------|
|                               |                    | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                        |                                                                      | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ tin học |                     | Trình độ ngoại ngữ |  |         |
| 1                             | Nguyễn Khánh Duy   | 19/09/1996            |            | Viên chức                       | Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 3 năm 4 tháng                                                        | 2,26                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | CB               | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |
| 2                             | Nguyễn Thị Thu Nga |                       | 05/11/1978 | Viên chức                       | Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 23 năm 5 tháng                                                       | 4,27                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |
| 3                             | Trần Thị Hồng      |                       | 16/09/1994 | Viên chức                       | Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 4 năm 2 tháng                                                        | 2,72                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |
| 4. Phòng Vật tư thiết bị y tế |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| * Được sĩ                     |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| 1                             | Huỳnh Thùy Dương   |                       | 06/07/1991 | Viên chức                       | Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 13 Năm 11 Tháng                                                      | 2,46                 | V.08.08.23       | Dược sĩ đại học                                          |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B1                 |                  | X                   | X                  |  |         |
| * Kỹ sư hạng                  |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| 1                             | Huỳnh Thanh Triều  | 01/01/1986            |            | Viên chức                       | Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế, Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 03 Năm 01 tháng                                                      | 2,26                 | V.05.02.08       | Kỹ sư ngành Điện - Điện tử                               |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | B                | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |
| 5. Phòng Hành chính quản trị  |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| * Kỹ sư hạng                  |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| 1                             | Hồng Minh Nhứt     | 04/01/1985            |            | Viên chức                       | Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện đa khoa Cà Mau    | 03 Năm 01 tháng                                                      | 2,06                 | V.05.02.08       | Kỹ sư Kỹ thuật điện, điện tử                             |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN     | A                | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |
| 6. Khoa Cấp cứu               |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| * Bác sĩ                      |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| 1                             | Lê Thanh Dị        | 16/08/1988            |            | Viên chức                       | Khoa Cấp cứu, Bệnh viện đa khoa Cà Mau                 | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,06                 | V.08.03.07       | Bác sỹ y khoa                                            |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B1                 |                  | X                   | X                  |  |         |
| * Điều dưỡng                  |                    |                       |            |                                 |                                                        |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                  |                     |                    |  |         |
| 1                             | Trần Bảo Sát       | 04/08/1988            |            | Viên chức                       | Khoa Cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau                  | 9 năm 9 tháng                                                        | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | Cử nhân          | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |
| 2                             | Mã Kim Phụng       |                       | 25/08/1981 | Viên chức                       | Khoa Cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau                  | 4 năm 2 tháng                                                        | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                  | X                   | X                  |  |         |

| TT                       | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                  | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|--------------------------|------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                          |                  | Nam                   | Nữ         |                                 |                                               |                                                                      | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 7. Khoa Truyền nhiễm     |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| * <b>Bác sĩ</b>          |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Trương Kim Huỳnh |                       | 13/11/1985 | Viên chức                       | Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Cà Mau    | 7 năm 4 tháng                                                        | 3,06                 | V.08.03.07       | Bác sỹ y khoa                                            |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| * <b>Điều dưỡng</b>      |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Lê Hoàng Thông   | 17/05/1990            |            | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Cà Mau    | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 8. Lọc máu               |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| * <b>Bác sĩ</b>          |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Tạ Duy Quang     | 30/11/1987            |            | Viên chức                       | Khoa Lọc máu, Bệnh viện đa khoa Cà Mau        | 13 năm 11 tháng                                                      | 3,26                 | V.08.03.07       | Bác sỹ y khoa                                            |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| * <b>Điều dưỡng</b>      |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Trương Mộng Cẩm  |                       | 20/09/1983 | Viên chức                       | Khoa Lọc máu, Bệnh viện đa khoa Cà Mau        | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,65                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng đa khoa                               |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 9. Khoa Da liễu          |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| * <b>Điều dưỡng</b>      |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Phạm Thùy Nga    |                       | 18/10/1975 | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Da liễu Bệnh viện đa khoa Cà Mau         | 19 năm 5 tháng                                                       | 3,86                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                        | Lê Thanh Trúc    |                       | 26/03/1987 | Viên chức                       | Khoa Da liễu Bệnh viện đa khoa Cà Mau         | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,03                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 10. Khoa Ngoại Thần kinh |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| * <b>Điều dưỡng</b>      |                  |                       |            |                                 |                                               |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                        | Phù Thùy Dương   |                       | 03/05/1989 | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Ngoại thần kinh Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,06                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng đa khoa                               |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT                                                   | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                                       | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                                                      |                   | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                                    |                                                                 | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 2                                                    | Nguyễn Quốc Hưng  | 19/11/1984            |            | Viên chức                       | Khoa Ngoại thần kinh Bệnh viện đa khoa Cà Mau                      | 7 năm 4 tháng                                                   | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>11. Khoa Chẩn đoán hình ảnh</b>                   |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Điều dưỡng</b>                                  |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                                    | Vô Thanh Tùng     | 10/07/1976            |            | Viên chức                       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện đa khoa Cà Mau                   | 24 năm 3 tháng                                                  | 4,06 VK 7%           | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng đa khoa                               |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                                                    | Nguyễn Quốc Qui   | 15/9/1991             |            | Viên chức                       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện đa khoa Cà Mau                   | 7 năm 4 tháng                                                   | 3,03                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>* Kỹ thuật y</b>                                  |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                                    | Lê Văn Lớn        | 01/01/1984            |            | Viên chức                       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện đa khoa Cà Mau                   | 9 năm 9 tháng                                                   | 3,26                 | V.08.07.19       | Cử nhân hình ảnh y học                                   |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>12. Khoa Huyết học lâm sàng</b>                   |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Điều dưỡng</b>                                  |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                                    | Lê Mộng Kiều      |                       | 09/11/1989 | Viên chức                       | Khoa Huyết học lâm sàng Bệnh viện đa khoa Cà Mau                   | 11 năm 3 tháng                                                  | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                                                    | Châu Ngọc Ánh     |                       | 12/2/1979  | Viên chức                       | Khoa Huyết học lâm sàng Bệnh viện đa khoa Cà Mau                   | 21 năm 3 tháng                                                  | 3,86                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>13. Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng</b> |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Điều dưỡng</b>                                  |                   |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                                    | Nguyễn Tường Khoa | 03/05/1984            |            | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 17 năm 0 tháng                                                  | 3,66                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT                           | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                                       | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|------------------------------|---------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                              |                     | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                                    |                                                                      | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 2                            | Trần Thị Minh       |                       | 04/06/1978 | Viên chức                       | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 21 năm 3 tháng                                                       | 3,86                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 3                            | Dương Quốc Hưng     | 22/12/1982            |            | Viên chức                       | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 13 năm 11 tháng                                                      | 3,96                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>14. Khoa Hô hấp - Lao</b> |                     |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Điều dưỡng</b>          |                     |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Trịnh Minh Trọng    | 09/10/1989            |            | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Hô hấp - Lao Bệnh viện đa khoa Cà Mau                         | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,32                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | C                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                            | Trần Văn Hậu        | 10/09/1988            |            | Viên chức                       | Khoa Hô hấp - Lao Bệnh viện đa khoa Cà Mau                         | 9 năm 6 tháng                                                        | 3,21                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>15. Khoa Mắt</b>          |                     |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Điều dưỡng</b>          |                     |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Trần Ngọc Chiêu     |                       | 30/04/1979 | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Mắt, Bệnh viện đa khoa Cà Mau                                 | 19 năm 5 tháng                                                       | 3,66                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                            | Nguyễn Văn Dũng     | 30/11/1985            |            | Viên chức                       | Khoa Mắt, Bệnh viện đa khoa Cà Mau                                 | 4 năm 2 tháng                                                        | 2,86                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>16. Khoa Khám bệnh</b>    |                     |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Điều dưỡng</b>          |                     |                       |            |                                 |                                                                    |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Nguyễn Thị Bích Chi |                       | 06/11/1986 | Viên chức                       | Khoa Khám bệnh, Bệnh viện đa khoa Cà Mau                           | 13 năm 11 tháng                                                      | 3,46                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                            | Trần Thị Hiền       |                       | 05/10/1988 | Viên chức                       | Khoa Khám bệnh, Bệnh viện đa khoa Cà Mau                           | 13 năm 11 tháng                                                      | 3,26                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT                           | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc               | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|------------------------------|---------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                              |                     | Nam                   | Nữ         |                                 |                                            |                                                                      | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 3                            | Nguyễn Thị Yến Châu |                       | 10/05/1979 | Viên chức                       | Khoa Khám bệnh, Bệnh viện đa khoa Cà Mau   | 17 năm 0 tháng                                                       | 3,66                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 4                            | Phan Thị My         |                       | 25/8/1985  | Viên chức                       | Khoa Khám bệnh, Bệnh viện đa khoa Cà Mau   | 4 năm 2 tháng                                                        | 3,46                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>17. Khoa Răng hàm mặt</b> |                     |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                            | Điều dưỡng          |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Đỗ Quốc Hùng        | 15/02/1991            |            | Viên chức                       | Khoa Răng hàm mặt Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 7 năm 4 tháng                                                        | 2,72                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>18. Khoa Tâm thần</b>     |                     |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                            | Điều dưỡng          |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Trần Lê Hải Yến     |                       | 05/05/1990 | Viên chức                       | Khoa Tâm thần Bệnh viện đa khoa Cà Mau     | 6 năm 10 tháng                                                       | 2,66                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>19. Khoa Tai mũi họng</b> |                     |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                            | Điều dưỡng          |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Trương Thanh Ngoan  | 12/01/1987            |            | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Tai mũi họng Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 13 năm 11 tháng                                                      | 3,26                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng đa khoa                               |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>20. Khoa Lão học</b>      |                     |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                            | Điều dưỡng          |                       |            |                                 |                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                            | Huỳnh Văn Nu        | 25/12/1988            |            | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Lão học Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,26                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                            | Nguyễn Thị Hồng Ánh |                       | 05/04/1984 | Viên chức                       | Khoa Lão học Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 16 năm 10 tháng                                                      | 3,66                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 3                            | Trần Thị Nhã Vi     |                       | 10/06/1991 | Viên chức                       | Khoa Lão học Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 7 năm 4 tháng                                                        | 2,72                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT                                    | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                               | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                                       |                    | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                            |                                                                      | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 21. Khoa Dịch vụ                      |                    |                       |            |                                 |                                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                                     | Điều dưỡng         |                       |            |                                 |                                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                     | Nguyễn Thị Trúc Ly |                       | 27/12/1994 | Viên chức                       | Khoa Dịch vụ Bệnh viện đa khoa Cà Mau                      | 4 năm 2 tháng                                                        | 2,72                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 22. Khoa Ung bướu                     |                    |                       |            |                                 |                                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                                     | Điều dưỡng         |                       |            |                                 |                                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                     | Lê Thu Thủy        |                       | 01/01/1980 | Viên chức                       | Khoa Ung bướu Bệnh viện đa khoa Cà Mau                     | 20 năm 6 tháng                                                       | 3,96                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                                     | Võ Huỳnh Như       |                       | 17/11/1984 | Viên chức                       | Khoa Ung bướu Bệnh viện đa khoa Cà Mau                     | 16 năm 10 tháng                                                      | 3,65                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 3                                     | Quách Bảo Xiềng    | 16/10/1989            |            | Viên chức                       | Khoa Ung bướu Bệnh viện đa khoa Cà Mau                     | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | C                  |                     | X                | X                  |         |
| 23. Khoa Hồi sức tích cực & chống độc |                    |                       |            |                                 |                                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                                     | Điều dưỡng         |                       |            |                                 |                                                            |                                                                      |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                     | Trần Thị Diễm My   |                       | 22/2/1987  | Viên chức                       | Khoa Hồi sức tích cực & chống độc Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,65                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                                     | Trần Thị Ngọc Thủy |                       | 6/8/1986   | Viên chức                       | Khoa Hồi sức tích cực & chống độc Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 11 năm 3 tháng                                                       | 3,46                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 3                                     | Hà Sơn Dục         | 17/8/1972             |            | Viên chức                       | Khoa Hồi sức tích cực & chống độc Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 28 năm 0 tháng                                                       | 4.06 ( VK 9% )       | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT                                          | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                               | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|---------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                                             |                   | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                            |                                                           | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 4                                           | Phạm Thị Ngọc Như |                       | 6/6/1996   | Viên chức                       | Khoa Hồi sức tích cực & chống độc Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 4 năm 2 tháng                                             | 2,72                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 5                                           | Trần Ngọc Bích    |                       | 12/10/1986 | Viên chức                       | Khoa Hồi sức tích cực & chống độc Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 4 năm 2 tháng                                             | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 6                                           | Lê Ngọc Diệp      |                       | 26/1/1991  | Viên chức                       | Khoa Hồi sức tích cực & chống độc Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 7 năm 4 tháng                                             | 3,03                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>24. Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức</b> |                   |                       |            |                                 |                                                            |                                                           |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                                           | <b>Điều dưỡng</b> |                       |            |                                 |                                                            |                                                           |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                                           | Đoài Hoàng Phúc   | 15/10/1989            |            | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau  | 11 năm 3 tháng                                            | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                                           | Nguyễn Ngọc Giàu  |                       | 9/3/1980   | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau  | 21 năm 8 tháng                                            | 3,96                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 3                                           | Trương Công Danh  | 15/4/1970             |            | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau  | 29 năm 9 tháng                                            | 4,58                 | V.08.05.13       | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức           |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 4                                           | Nguyễn Tấn Bằng   | 01/01/1984            |            | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau  | 13 năm 11 tháng                                           | 3,46                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 5                                           | Nguyễn Thị Thùy   |                       | 13/8/1987  | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau  | 9 năm 9 tháng                                             | 3,34                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 6                                           | Trần Thị Khuyên   |                       | 20/9/1980  | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau  | 19 năm 5 tháng                                            | 3,86                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT                         | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                              | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                            |                      | Nam                   | Nữ         |                                 |                                                           |                                                                 | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 7                          | Nguyễn Thị Bích Thùy |                       | 10/8/1991  | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 7 năm 4 tháng                                                   | 2,72                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 8                          | Lê Thị Sen           |                       | 22/8/1982  | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 13 năm 11 tháng                                                 | 3,65                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 9                          | Lê Thanh Tuấn        | 12/10/1973            |            | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 28 năm 0 tháng                                                  | 4,06 (VK 10%)        | V.08.05.13       | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức           |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 10                         | Quách Chấn Nguyên    | 24/12/1995            |            | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 4 năm 2 tháng                                                   | 2,41                 | V.08.05.13       | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức           |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 11                         | Trần Văn Tào         | 14/3/1989             |            | Viên chức                       | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 9 năm 9 tháng                                                   | 3,03                 | V.08.05.13       | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức           |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 25. Khoa Thăm dò chức năng |                      |                       |            |                                 |                                                           |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                          | Điều dưỡng           |                       |            |                                 |                                                           |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                          | Phạm Thị Yến Nhi     |                       | 10/04/1985 | Điều dưỡng trưởng               | Khoa Thăm dò chức năng Bệnh viện đa khoa Cà Mau           | 11 năm 3 tháng                                                  | 2,86                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng đa khoa                               |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 26. Khoa Nội tiết          |                      |                       |            |                                 |                                                           |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                          | Điều dưỡng           |                       |            |                                 |                                                           |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                          | Trần Thị Diễm Chi    |                       | 30/3/1997  | Viên chức                       | Khoa Nội tiết, Bệnh viện đa khoa Cà Mau                   | 3 năm 1 tháng                                                   | 2,41                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 27. Khoa Nội tiêu hóa      |                      |                       |            |                                 |                                                           |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |

| TT                             | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc                 | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đủ án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|--------------------------------|-------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|                                |                   | Nam                   | Nữ         |                                 |                                              |                                                                 | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| *                              | Điều dưỡng        |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                              | Huỳnh Thị Mộng    |                       | 07/05/1997 | Viên chức                       | Khoa Nội tiêu hóa, Bệnh viện Đa khoa Cà Mau  | 3 năm 4 tháng                                                   | 2,10                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | CB               | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>28. Khoa Thần kinh</b>      |                   |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| *                              | Điều dưỡng        |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                              | Đặng Thị Thu Ngan |                       | 02/01/1981 | Viên chức                       | Khoa Thần kinh Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 17 năm 0 tháng                                                  | 3,65                 | V.08.05.13       | Cử nhân điều dưỡng                                       |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>29. Khoa Giải phẫu bệnh</b> |                   |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Kỹ thuật y</b>            |                   |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                              | Hồ Chí Thảo       | 01/07/1986            |            | Kỹ thuật viên trưởng            | Khoa Giải phẫu bệnh Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 13 năm 11 tháng                                                 | 3,46                 | V.08.07.19       | Cử nhân xét nghiệm y học                                 |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| <b>30. Khoa Xét nghiệm</b>     |                   |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| <b>* Kỹ thuật y</b>            |                   |                       |            |                                 |                                              |                                                                 |                      |                  |                                                          |                            |                              |                  |                    |                     |                  |                    |         |
| 1                              | Đoàn Thị Vân      |                       | 5/1/1988   | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau     | 9 năm 9 tháng                                                   | 3,06                 | V.08.07.19       | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học                        |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 2                              | Huỳnh Thanh Tòng  | 3/10/1991             |            | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau     | 7 năm 4 tháng                                                   | 2,66                 | V.08.07.19       | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học                        |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 3                              | Phạm Minh Mẫn     | 12/1/1985             |            | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau     | 13 năm 11 tháng                                                 | 3,26                 | V.08.07.19       | Cử nhân xét nghiệm y học                                 |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 4                              | Huỳnh Quang Sang  | 8/7/1984              |            | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau     | 11 năm 3 tháng                                                  | 3,06                 | V.08.07.19       | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học                        |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |

| TT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc             | Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                  | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng xét thăng hạng |                            |                              |                  |                    | Có đề án công trình | Được miễn thi    |                    | Ghi chú |
|----|-----------------------|-----------------------|------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------------|---------|
|    |                       | Nam                   | Nữ         |                                 |                                          |                                                                 | Hệ số lương          | Mã CDNN hiện giữ | Trình độ chuyên môn                                      | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                     | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |         |
| 5  | Huỳnh Tú Quyền        |                       | 05/07/1996 | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 4 năm 2 tháng                                                   | 2,46                 | V.08.07.19       | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học                        |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 6  | Thái Trường Trọng Tin | 11/02/1995            |            | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 4 năm 2 tháng                                                   | 2,46                 | V.08.07.19       | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học                        |                            | Chứng chỉ hành nghề          | A                | B                  |                     | X                | X                  |         |
| 7  | Huỳnh Nam             | 12/4/1994             |            | Viên chức                       | Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đa khoa Cà Mau | 4 năm 2 tháng                                                   | 2,26                 | V.08.07.19       | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học                        |                            | Chứng chỉ hành nghề          | B                | B                  |                     | X                | X                  |         |

**Tổng cộng: 77 người./.**

**Người lập bảng**

  
**Nhan Minh Luân**

**TM. HỘI ĐỒNG**

**CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN**

**Trần Hoán Toàn**

**BỆNH VIỆN ĐK CÀ MAU**  
**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ, SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ỨNG VỚI CDNN DỰ XÉT CÒN THIẾU THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM 2024**

| TT | Chức danh<br>nghề nghiệp viên chức | Thực trạng số lượng, cơ cấu<br>CDNN hạng III |                                  |                                                          | Nhu cầu bố trí việc<br>làm CDNN hạng<br>III |                         | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng CDNN hạng III |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   | Ghi chú |
|----|------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|    |                                    | Tổng số                                      | Số lượng<br>viên chức<br>quản lý | Số lượng<br>viên chức<br>không giữ<br>chức vụ<br>quản lý | Vị trí<br>lãnh đạo                          | Vị trí<br>chuyên<br>môn | Viên chức giữ chức vụ quản lý                 |                                                   |                     | Viên chức không giữ chức vụ quản lý |                                                |                                   |         |
|    |                                    |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm           | Số người<br>đủ tiêu<br>chuẩn, điều<br>kiện dự xét | Đề xuất<br>chỉ tiêu | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm | Số người đủ tiêu<br>chuẩn, điều kiện<br>dự xét | Đề xuất chỉ<br>tiêu cạnh<br>tranh |         |
| 1  | 2                                  | 3                                            | 4                                | 5                                                        | 6                                           | 7                       | 8                                             | 9                                                 | 10                  | 11                                  | 12                                             | 13                                | 14      |
| 1  | Phòng Tổ chức cán bộ               |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Kế toán viên                     | 1                                            |                                  | 1                                                        |                                             | 2                       |                                               |                                                   |                     | 1                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 2  | Phòng Tài chính kế toán            |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Kế toán viên                     | 25                                           | 2                                | 23                                                       | 3                                           | 37                      | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 14                                  | 3                                              | 3                                 |         |
| 3  | Phòng Kế hoạch tổng hợp            |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          |                                             | 2                       |                                               |                                                   |                     | 2                                   | 3                                              | 2                                 |         |
| 4  | Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Dược sĩ hạng III                 | 3                                            | 1                                | 2                                                        | 2                                           | 4                       | 1                                             |                                                   |                     | 2                                   | 1                                              | 1                                 |         |
|    | - Kỹ sư hạng III                   | 6                                            | 1                                | 5                                                        | 1                                           | 8                       |                                               |                                                   |                     | 3                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 5  | Phòng Hành chính quản trị          |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Kỹ sư hạng III                   | 2                                            |                                  | 2                                                        | 1                                           | 7                       | 1                                             |                                                   |                     | 5                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 6  | Khoa Cấp cứu                       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Bác sĩ                           | 10                                           | 2                                | 8                                                        | 3                                           | 11                      | 1                                             |                                                   |                     | 3                                   | 1                                              | 1                                 |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              | 2                                            | 1                                | 1                                                        | 1                                           | 5                       |                                               |                                                   |                     | 4                                   | 2                                              | 2                                 |         |

| TT | Chức danh<br>nghề nghiệp viên chức | Thực trạng số lượng, cơ cấu<br>CDNN hạng III |                                  |                                                          | Nhu cầu bố trí việc<br>làm CDNN hạng<br>III |                         | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng CDNN hạng III |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   | Ghi chú |
|----|------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|    |                                    | Tổng số                                      | Số lượng<br>viên chức<br>quản lý | Số lượng<br>viên chức<br>không giữ<br>chức vụ<br>quản lý | Vị trí<br>lãnh đạo                          | Vị trí<br>chuyên<br>môn | Viên chức giữ chức vụ quản lý                 |                                                   |                     | Viên chức không giữ chức vụ quản lý |                                                |                                   |         |
|    |                                    |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm           | Số người<br>đủ tiêu<br>chuẩn, điều<br>kiện dự xét | Đề xuất<br>chỉ tiêu | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm | Số người đủ tiêu<br>chuẩn, điều kiện<br>dự xét | Đề xuất chỉ<br>tiêu cạnh<br>tranh |         |
| 7  | Khoa Truyền nhiễm                  |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Bác sĩ                           | 4                                            | 2                                | 2                                                        | 3                                           | 4                       | 1                                             |                                                   |                     | 2                                   | 1                                              | 1                                 |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 2                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 2                                   |                                                |                                   |         |
| 8  | Khoa Lọc máu                       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Bác sĩ                           | 4                                            | 2                                | 2                                                        | 3                                           | 5                       | 1                                             |                                                   |                     | 3                                   | 1                                              | 1                                 |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 2                       |                                               |                                                   |                     | 2                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 9  | Khoa Da liễu                       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 1                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 1                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 10 | Khoa Ngoại thần kinh               |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 3                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 3                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 11 | Khoa Chẩn đoán hình ảnh            |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 2                       |                                               |                                                   |                     | 2                                   | 2                                              | 2                                 |         |
|    | - Kỹ thuật y hạng III              | 2                                            |                                  | 2                                                        |                                             | 5                       |                                               |                                                   |                     | 3                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 12 | Khoa Huyết học lâm sàng            |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 1                       |                                               |                                                   |                     | 1                                   | 2                                              | 1                                 |         |
| 13 | Khoa Vật lý trị liệu & PHCN        |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 1                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 1                                   | 2                                              | 1                                 |         |
| 14 | Khoa Hô hấp - Lao                  |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 2                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 2                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 15 | Khoa Mắt                           |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 1                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 1                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 16 | Khoa Khám bệnh                     |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
|    | - Điều dưỡng hạng III              | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 5                       |                                               |                                                   |                     | 5                                   | 4                                              | 4                                 |         |

| TT | Chức danh<br>nghề nghiệp viên chức | Thực trạng số lượng, cơ cấu<br>CDNN hạng III |                                  |                                                          | Nhu cầu bố trí việc<br>làm CDNN hạng<br>III |                         | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng CDNN hạng III |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   | Ghi chú |
|----|------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|    |                                    | Tổng số                                      | Số lượng<br>viên chức<br>quản lý | Số lượng<br>viên chức<br>không giữ<br>chức vụ<br>quản lý | Vị trí<br>lãnh đạo                          | Vị trí<br>chuyên<br>môn | Viên chức giữ chức vụ quản lý                 |                                                   |                     | Viên chức không giữ chức vụ quản lý |                                                |                                   |         |
|    |                                    |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm           | Số người<br>đủ tiêu<br>chuẩn, điều<br>kiện dự xét | Đề xuất<br>chỉ tiêu | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm | Số người đủ tiêu<br>chuẩn, điều kiện<br>dự xét | Đề xuất chỉ<br>tiêu cạnh<br>tranh |         |
| 17 | Khoa Răng hàm mặt                  |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 1                       |                                               |                                                   |                     | 1                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 18 | Khoa Tâm thần                      |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 1                       |                                               |                                                   |                     | 1                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 19 | Khoa Tai mũi họng                  |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 1                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 1                                   |                                                |                                   |         |
| 20 | Khoa Lão học                       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            |                                  | 1                                                        | 1                                           | 4                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 3                                   | 2                                              | 2                                 |         |
| 21 | Khoa Dịch vụ                       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 1                       |                                               |                                                   |                     | 1                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 22 | Khoa Ung bướu                      |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 2                                            | 1                                | 1                                                        | 1                                           | 4                       |                                               |                                                   |                     | 3                                   | 3                                              | 3                                 |         |
| 23 | Hội sức tích cực & chống độc       |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 4                       |                                               |                                                   |                     | 4                                   | 6                                              | 4                                 |         |
| 24 | Khoa Phẫu thuật - GMHS             |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                |                                              |                                  |                                                          |                                             | 3                       |                                               |                                                   |                     | 3                                   | 11                                             | 3                                 |         |
| 25 | Khoa Thăm dò chức năng             |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                |                                              |                                  |                                                          | 1                                           | 2                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 2                                   |                                                |                                   |         |
| 26 | Khoa Nội tiết                      |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 2                       |                                               |                                                   |                     | 2                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 27 | Khoa Nội tiêu hóa                  |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 1                                            | 1                                |                                                          | 1                                           | 3                       |                                               |                                                   |                     | 3                                   | 1                                              | 1                                 |         |

| TT | Chức danh<br>nghề nghiệp viên chức | Thực trạng số lượng, cơ cấu<br>CDNN hạng III |                                  |                                                          | Nhu cầu bố trí việc<br>làm CDNN hạng<br>III |                         | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng CDNN hạng III |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   | Ghi chú |
|----|------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|    |                                    | Tổng số                                      | Số lượng<br>viên chức<br>quản lý | Số lượng<br>viên chức<br>không giữ<br>chức vụ<br>quản lý | Vị trí<br>lãnh đạo                          | Vị trí<br>chuyên<br>môn | Viên chức giữ chức vụ quản lý                 |                                                   |                     | Viên chức không giữ chức vụ quản lý |                                                |                                   |         |
|    |                                    |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm           | Số người<br>đủ tiêu<br>chuẩn, điều<br>kiện dự xét | Đề xuất<br>chỉ tiêu | Số thiếu<br>theo vị trí<br>việc làm | Số người đủ tiêu<br>chuẩn, điều kiện<br>dự xét | Đề xuất chỉ<br>tiêu cạnh<br>tranh |         |
| 28 | Khoa Thần kinh                     |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Điều dưỡng hạng III                | 2                                            | 1                                | 1                                                        | 1                                           | 3                       |                                               |                                                   |                     | 2                                   | 1                                              | 1                                 |         |
| 29 | Khoa Xét nghiệm                    |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Kỹ thuật y hạng III                | 12                                           | 3                                | 9                                                        | 4                                           | 19                      | 1                                             |                                                   |                     | 10                                  | 7                                              | 7                                 |         |
| 30 | Khoa Giải phẫu bệnh                |                                              |                                  |                                                          |                                             |                         |                                               |                                                   |                     |                                     |                                                |                                   |         |
| -  | Kỹ thuật y hạng III                | 2                                            |                                  | 2                                                        | 1                                           | 3                       | 1                                             | 1                                                 | 1                   | 1                                   |                                                |                                   |         |
|    | Tổng                               | 88                                           | 26                               | 62                                                       | 43                                          | 161                     | 17                                            | 11                                                | 11                  | 99                                  | 66                                             | 53                                | 0       |

Người lập bảng



*Nhan Minh Luân*

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
Trần Hoàn Toàn